

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thanh toán
không dùng tiền mặt 6 tháng năm 2023**

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh

**I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VỀ HỖ TRỢ, THÚC ĐẨY
THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC
TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ NĂM 2023**

1. Công tác chỉ đạo

Thực hiện Kế hoạch số 84/SGDDĐT-KHTC ngày 11/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hỗ trợ, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2023; Công văn số 2147/UBND-VHTT ngày 29/8/2022 của UBND thị xã Quảng Yên về việc đẩy mạnh triển khai thanh toán điện tử không dùng tiền mặt; Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 19/9/2022 của UBND thị xã Quảng Yên về thực hiện đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn thị xã Quảng Yên giai đoạn 2022-2025. Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên đã xây dựng Kế hoạch số 33/KH-PGDĐT ngày 16/01/2023 về hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn thị xã Quảng Yên năm 2023 và giao chỉ tiêu triển khai thanh toán không dùng tiền mặt năm 2023 cho các cơ sở giáo dục. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn thị xã đã xây dựng Kế hoạch hỗ trợ thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt năm 2023 và tổ chức tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về thanh toán không dùng tiền mặt đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh và học sinh.

2. Kết quả cụ thể

- 100% cơ sở giáo dục thực hiện thanh toán học phí và các khoản dịch vụ khác bằng phương thức không dùng tiền mặt.

- Các cơ sở giáo dục đã bố trí đầu mối, nhân lực để hướng dẫn, hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán học phí và các dịch vụ khác theo quy định. Chủ động phối hợp với các ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để triển khai phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Các cơ sở giáo dục chưa thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán học phí do học sinh được hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đối với các khoản thu dịch vụ giáo dục khác: Tổng số tiền thanh toán là 44.215.677.000 đồng trong đó số tiền thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt là 5.191.475.000 đồng đạt tỷ lệ 12%.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01, 02, 04 đính kèm)

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm, thuận lợi

Việc triển khai thanh toán không dùng tiền mặt có một vai trò quan trọng trong việc giảm khối lượng tiền mặt lưu thông, giúp cho quá trình thanh toán diễn ra nhanh chóng, an toàn, tiện lợi và giảm bớt chi phí đi lại cho phụ huynh và học sinh. Nhận thức của đa số phụ huynh học sinh và các cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm đều đồng thuận và ủng hộ cao và nhận thức được tiện ích của việc thanh toán không dùng tiền mặt và đồng thuận triển khai thực hiện. Tránh được những hạn chế rủi ro trong các giao dịch bằng tiền mặt.

2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

Trong quá trình triển khai rộng rãi còn gặp nhiều khó khăn do còn một bộ phận phụ huynh học sinh có thói quen sử dụng tiền mặt ngại thay đổi phương thức thanh toán truyền thống, chưa thành thạo các thao tác thực hiện thanh toán trên thiết bị thông minh. Tỷ lệ phụ huynh học sinh sử dụng điện thoại thông minh, thường xuyên sử dụng các dịch vụ thanh toán trên thiết bị thông minh còn ít. Do đặc điểm vùng miền các xã, phường khu vực Hà Nam của thị xã Quảng Yên một số bộ phận học sinh sống cùng ông, bà đã lớn tuổi do bố mẹ đi làm ăn xa, làm công nhân tại các khu công nghiệp... nên việc sử dụng các thiết bị thông minh còn hạn chế *(chi tiết theo Phụ lục số 03 đính kèm)*.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để triển khai việc thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục cần có thời gian để phụ huynh học sinh thay đổi thói quen sử dụng phương thức thanh toán truyền thống và thích nghi với phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. Tổ chức tập huấn việc triển khai thực hiện phương thức sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KT (02).

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Thuý

Phụ lục số 01

Kết quả thực hiện các mục tiêu được giao đối với các cơ sở giáo dục

(Kèm theo Báo cáo số 545/BC-PCGDĐT ngày 11/7/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên)



STT	Tên địa phương	Mục tiêu địa phương, trường đã xây dựng theo Kế hoạch năm 2023	Kết quả đạt được Quý II/2023	Ghi chú
1	Thị xã Quảng Yên	100% cơ sở giáo dục chấp nhận thanh toán học phí và các khoản dịch vụ khác bằng phương thức không dùng tiền mặt. 84% số tiền học phí của các cơ sở giáo dục trên địa bàn đô thị, 55% số tiền học phí của các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn được thanh toán bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt	0% thanh toán học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. 12% các khoản dịch vụ khác thanh toán bằng phương thức không dùng tiền mặt	Học sinh được hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh nên tỷ lệ thanh toán học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt là 0%



Phụ lục số 02

**Kết quả thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục tư thục
6 tháng năm 2023**

(Kèm theo Báo cáo số 545/BC-PGDĐT ngày 11/7/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên)

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Tên trường tư thục	Số tiền học phí thu kỳ II năm 2023	Số tiền học phí được hỗ trợ theo Nghị quyết 01/2022/NQ- HĐND	Số tiền nhà trường thu còn lại		Ghi chú
				Bằng tiền mặt	Bằng hình thức không dùng tiền mặt	
	Tổng cộng	2.217.583.000	698.400.000	649.661.000	869.522.000	
1	Trường Mầm non Quảng Yên	591.409.000	314.400.000	277.009.000	0	
2	Trường Mầm non Vân Anh	1.626.174.000	384.000.000	372.652.000	869.522.000	



Phụ lục số 03

BIỂU MẪU TỔNG HỢP CÂU HỎI, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

(Kèm theo Báo cáo số 545/BC-PGDĐT ngày 11/7/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên)

STT	Tên địa phương	Nội dung câu hỏi, khó khăn, vướng mắc	Đề xuất, kiến nghị
1	Thị xã Quảng Yên	Trong qua trình triển khai rộng rãi còn gặp nhiều khó khăn do còn một bộ phận phụ huynh học sinh có thói quen sử dụng tiền mặt ngại thay đổi phương thức thanh toán truyền thống, chưa thành thạo các thao tác thực hiện thanh toán trên thiết bị thông minh. Tỷ lệ phụ huynh học sinh sử dụng điện thoại thông minh, thường xuyên sử dụng các dịch vụ thanh toán trên thiết bị thông minh còn ít. Do đặc điểm vùng miền các xã, phường khu vực Hà Nam của thị xã Quảng Yên một số bộ phận học sinh sống cùng ông bà đã lớn tuổi do bố mẹ đi làm ăn xa, làm công nhân tại các khu công nghiệp...nên việc sử dụng các thiết bị thông minh còn hạn chế. Đơn vị có nhất thiết phải chuẩn bị đầy đủ 3 trong 4 phương thức sau: mã vuông QR(chuyển khoản/thanh toán), qua website(Chuyển khoản/thanh toán), Mobile money và thẻ(POS) hay chỉ cần lựa chọn 1 phương thức thanh toán để thực hiện?	Để triển khai việc thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục cần có thời gian để phụ huynh học sinh thay đổi thói quen sử dụng phương thức thanh toán truyền thống và thích nghi với phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. Tổ chức tập huấn việc triển khai thực hiện phương thức sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục.

Phụ lục số 04

Kết quả thực hiện Kế hoạch số 84/SGDDT-KHTC ngày 11/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh năm 2023

(Kèm theo Báo cáo số 345/BC-PGDDT ngày 11/7/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên)

Stt	Tên cơ sở giáo dục (nhóm lớp, trường, trung tâm - bao gồm cả công lập, tư thực)	Địa chỉ (xã, phường, thị trấn)	Số người học (trẻ em, học sinh, học viên)	Số người học có tài khoản thanh toán cá nhân	Số người học/c ha mẹ người được hướn g dẫn thanh toán không dùng tiền mặt	Số người học có cha/m ẹ có điện thoại thông minh	Tên các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (ngân hàng, tổ chức tín dụng, trung gian thanh toán)	Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt của cơ sở giáo dục (Đánh dấu X vào phương thức được cơ sở giáo dục chấp nhận)				Số, ngày tháng Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt năm 2023 của cơ sở giáo dục	Tổng số tiền (nghìn đồng) học phí, khoản thu dịch vụ thanh toán (thu) từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt	Tổng số tiền (nghìn đồng) hỗ trợ (nếu có) thanh toán (chi) cho người học từ 01/01/20 23 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt
								Mã vuông QR	Websi te	Mobil e Money và thẻ (POS)	Modul trên phần mềm quản lý					
	Tổng cộng		30.135	1.740	28.872	20.027							44.215.677	5.191.475	1.519.140	0
1	Trường MN Cộng Hoà	Phường Cộng Hoà	440	0	440	300						09/KH-TrMN ngày 02/02/2023	1.085.550	0	4.600	0
2	Trường MN Hà An	Phường Hà An	480	0	480	328						06/KH-TrMN ngày 07/02/2023	1.079.940	0	7.750	0
3	Trường MN Hoàng Tân	Xã Hoàng Tân	278	0	278	274	Agribank	x				28a/KH-MNHT ngày 24/02/2023	618.439	61.000	4.650	0
4	Trường MN Minh Thành	Phường Minh Thành	512	0	512	444						14/KH-TrMN ngày 09/02/2023	1.401.583	0	6.950	0

Stt	Tên cơ sở giáo dục (nhóm lớp, trường, trung tâm - bao gồm cả công lập, tư thực)	Địa chỉ (xã, phường, thị trấn)	Số người học (trẻ em, học sinh, học viên)	Số người học có tài khoản thanh toán cá nhân	Số người học/c ha mẹ người được hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt	Số người học có cha/m ẹ có điện thoại thông minh	Tên các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (ngân hàng, tổ chức tín dụng, trung gian thanh toán)	Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt của cơ sở giáo dục (Đánh dấu X vào phương thức được cơ sở giáo dục chấp nhận)				Số, ngày tháng Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt năm 2023 của cơ sở giáo dục	Tổng số tiền (nghìn đồng) học phí, khoản thu dịch vụ thanh toán (thu) từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt	Tổng số tiền (nghìn đồng) hỗ trợ (nếu có) thanh toán (chi) cho người học từ 01/01/20 23 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt
								Mã vuông QR	Website	Mobil e Money và thẻ (POS)	Modul trên phần mềm quản lý					
5	Trường MN Liên Vị	Xã Liên Vị	376	0	376	352						16/KH-MNLV ngày 12/02/2023	792.132	0	15.500	0
6	Trường MN Phong Cốc	Phường Phong Cốc	391	0	212	370						24/VB-MNPC ngày 25/02/2023	759.246	0	1.550	0
7	Trường MN Phong Hải	Phường Phong Hải	375	0	375	270						24/KH-TrMN ngày 08/02/2023	810.673	0	12.345	0
8	Trường MN Tiền An	Xã Tiền An	389	0	389	370						22/KH-MNTA ngày 17/01/2023	906.384	0	13.840	0
9	Trường MN Yên Giang	Phường Yên Giang	229	0	131	178						18/VB-MNYG ngày 24/02/2023	524.646	0	1.550	0
10	Trường MN Đông Mai	Phường Đông Mai	460	0	460	406						09/KH-MNĐM ngày 06/02/2023	917.000	0	6.200	0
11	Trường MN Cẩm La	Xã Cẩm La	323	0	323	210						11/KH-MNCL ngày 22/01/2023	624.075	0	6.645	0

Stt	Tên cơ sở giáo dục (nhóm lớp, trường, trung tâm - bao gồm cả công lập, tư thực)	Địa chỉ (xã, phường, thị trấn)	Số người học (trẻ em, học sinh, học viên)	Số người học có tài khoản thanh toán cá nhân	Số người học/c ha mẹ người được hướn g dẫn thanh toán không dùng tiền mặt	Số người học có cha/m ẹ có điện thoại thông minh	Tên các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (ngân hàng, tổ chức tín dụng, trung gian thanh toán)	Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt của cơ sở giáo dục (Đánh dấu X vào phương thức được cơ sở giáo dục chấp nhận)				Số, ngày tháng Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt năm 2023 của cơ sở giáo dục	Tổng số tiền (nghìn đồng) học phí, khoản thu dịch vụ thanh toán (thu) từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt	Tổng số tiền (nghìn đồng) hỗ trợ (nếu có) thanh toán (chi) cho người học từ 01/01/20 23 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt
								Mã vuông QR	Websi te	Mobil e Money và thẻ (POS)	Modul trên phần mềm quản lý					
12	Trường MN Hiệp Hoà	Xã Hiệp Hoà	642	0	642	573						55/KH-MNHH ngày 10/3/2023	1.516.559	0	26.240	0
13	Trường MN Liên Hoà	Xã Liên Hoà	422	0	422	250						22/KH-MNLH ngày 12/02/2023	878.184	0	20.660	0
14	Trường MN Nam Hoà	Phường Nam Hoà	268	0	268	160						08/KH-MNNH ngày 06/02/2023	594.969	0	800	0
15	Trường MN Sông Khoai	Xã Sông Khoai	696	0	696	547						20/KH-MNSK ngày 08/02/2023	1.361.760	0	13.950	0
16	Trường MN Tân An	Phường Tân An	334	0	334	270						11b/KH-TrMN ngày 20/02/2023	639.723	0	25.840	0
17	Trường MN Tiền Phong	Xã Tiền Phong	137	0	137	61						25/KH-MNTP ngày 14/02/2023	265.618	0	9.470	0
18	Trường MN Yên Hải	Phường Yên Hải	346	0	346	167						15a/KH-MNYH ngày 22/01/2023	704.360	0	10.595	0

Stt	Tên cơ sở giáo dục (nhóm lớp, trường, trung tâm - bao gồm cả công lập, tư thực)	Địa chỉ (xã, phường, thị trấn)	Số người học (trẻ em, học sinh, học viên)	Số người học có tài khoản thanh toán cá nhân	Số người học/c ha mẹ người được hướn g dẫn thanh toán không dùng tiền mặt	Số người học có cha/m ẹ có điện thoại thông minh	Tên các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (ngân hàng, tổ chức tín dụng, trung gian thanh toán)	Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt của cơ sở giáo dục (Đánh dấu X vào phương thức được cơ sở giáo dục chấp nhận)				Số, ngày tháng Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt năm 2023 của cơ sở giáo dục	Tổng số tiền (nghìn đồng) học phí, khoản thu dịch vụ thanh toán (thu) từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt	Tổng số tiền (nghìn đồng) hỗ trợ (nếu có) thanh toán (chi) cho người học từ 01/01/20 23 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt
								Mã vuông QR	Websi te	Mobil e Money và thẻ (POS)	Modul trên phần mềm quản lý					
19	Trường MN Hoa Hồng	Phường Quảng Yên	567	0	567	503						30/KH-MNHH ngày 08/02/2023	1.425.440	0	3.100	0
20	Trường Mầm non Quảng Yên	Phường Quảng Yên	231	120	231	120	Agribank	x					1.700.000	1.000.000	314.400	0
21	Trường Mầm non Văn Anh	Phường Quảng Yên	285	103	285	285	BIDV	x				221 ngày 07/3/2023	2.512.452	1.611.042	384.000	0
22	Trường TH Liên Vị	Xã Liên Vị	839	0	839	197						32/KH-THLV ngày 14/02/2023	833.159	0	43.830	0
23	Trường TH Hà An	Phường Hà An	729	0	729	382						12A/KHTHHA ngày 10/02/2023	1.155.000	0	14.250	0
24	Trường TH Ngô Quyền	Phường Quảng Yên	689	689	689	389	Viettel Money, Agribank	x		x		05a/KH-THNQ ngày 17/01/2023	1.508.672	1.508.672	8.250	0
25	Trường TH Phong Cốc	Phường Phong Cốc	634	0	634	623						06/KH-THPC ngày 19/01/2023	560.090	0	6.750	0

Stt	Tên cơ sở giáo dục (nhóm lớp, trường, trung tâm - bao gồm cả công lập, tư thực)	Địa chỉ (xã, phường, thị trấn)	Số người học (trẻ em, học sinh, học viên)	Số người học có tài khoản thanh toán cá nhân	Số người học/c ha mẹ người được hướn g dẫn thanh toán không dùng tiền mặt	Số người học có cha/m ẹ có điện thoại thông minh	Tên các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (ngân hàng, tổ chức tín dụng, trung gian thanh toán)	Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt của cơ sở giáo dục (Đánh dấu X vào phương thức được cơ sở giáo dục chấp nhận)				Số, ngày tháng Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt năm 2023 của cơ sở giáo dục	Tổng số tiền (nghìn đồng) học phí, khoản thu dịch vụ thanh toán (thu) từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt	Tổng số tiền (nghìn đồng) hỗ trợ (nếu có) thanh toán (chi) cho người học từ 01/01/20 23 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt
								Mã vuông QR	Websi te	Mobil e Money và thẻ (POS)	Modul trên phần mềm quản lý					
26	Trường TH Sông Khoai I	Xã Sông Khoai	652	0	652	485						07/KH-THSK1 ngày 31/01/2023	781.535	0	24.000	0
27	Trường TH Liên Hoà	Xã Liên Hoà	661	0	661	611						16/KH-THLH ngày 14/02/2023	652.340	0	29.250	0
28	Trường TH Minh Thành	Phường Minh Thành	1067	0	1067	830						18/KH-THMT ngày 20/01/2023	1.020.546	0	18.450	0
29	Trường TH Hiệp Hoà	Xã Hiệp Hoà	1112	0	1112	406						08/KH-THHH ngày 17/01/2023	1.169.351	0	50.170	0
30	Trường TH Nguyễn Bình	Phường Quảng Yên	643	643	643	643						04/KH-THNB ngày 18/01/2023	709.450	709.450	6.750	0
31	Trường TH Nam Hoà	Phường Nam Hoà	551	0	551	260						04/KH-THNH ngày 01/02/2023	376.545	0	13.460	0
32	Trường TH Yên Giang	Phường Yên Giang	542	0	542	180						83/KH-THYG ngày 15/01/2023	1.133.721	0	1.500	0

Stt	Tên cơ sở giáo dục (nhóm lớp, trường, trung tâm - bao gồm cả công lập, tư thực)	Địa chỉ (xã, phường, thị trấn)	Số người học (trẻ em, học sinh, học viên)	Số người học có tài khoản thanh toán cá nhân	Số người học/c ha mẹ người được hướn g dẫn thanh toán không dùng tiền mặt	Số người học có cha/m ẹ có điện thoại thông minh	Tên các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (ngân hàng, tổ chức tín dụng, trung gian thanh toán)	Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt của cơ sở giáo dục (Đánh dấu X vào phương thức được cơ sở giáo dục chấp nhận)				Số, ngày tháng Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt năm 2023 của cơ sở giáo dục	Tổng số tiền (nghìn đồng) học phí, khoản thu dịch vụ thanh toán (thu) từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt	Tổng số tiền (nghìn đồng) hỗ trợ (nếu có) thanh toán (chi) cho người học từ 01/01/20 23 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt
								Mã vuông QR	Websi te	Mobil e Money và thẻ (POS)	Modul trên phần mềm quản lý					
33	Trường TH Tiền An	Xã Tiền An	657	0	559	566						65/KH-THTA ngày 18/01/2023	974.976	0	38.020	0
34	Trường TH Tân An	Phường Tân An	526	0	526	326						15/KH-THTA ngày 09/02/2023	491.268	0	17.960	0
35	Trường TH Đông Mai	Phường Đông Mai	742	0	380	566						06/KH ngày 18/01/2023	1.056.750	0	23.210	0
36	Trường TH Phong Hải	Phường Phong Hải	655	0	655	639						10/KH-THPH ngày 10/02/2023	1.051.002	0	29.960	0
37	Trường TH Yên Hải	Phường Yên Hải	528	185	528	185	Agribank	x				16/KH-TrTHYH ngày 22/01/2023	701.614	301.311	10.500	0
38	Trường TH Nguyễn Văn Thuần	Phường Cộng Hoà	673	0	673	510						08/KH-THNVT ngày 01/02/2023	1.370.988	0	11.100	0
39	Trường THCS Đông Mai	Phường Đông Mai	506	0	506	420						13/KH- THCSDM ngày 04/02/2023	1.041.320	0	5.250	0

Stt	Tên cơ sở giáo dục (nhóm lớp, trường, trung tâm - bao gồm cả công lập, tư thực)	Địa chỉ (xã, phường, thị trấn)	Số người học (trẻ em, học sinh, học viên)	Số người học có tài khoản thanh toán cá nhân	Số người học/c ha mẹ người được hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt	Số người học có cha/m ẹ có điện thoại thông minh	Tên các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (ngân hàng, tổ chức tín dụng, trung gian thanh toán)	Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt của cơ sở giáo dục (Đánh dấu X vào phương thức được cơ sở giáo dục chấp nhận)				Số, ngày tháng Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt năm 2023 của cơ sở giáo dục	Tổng số tiền (nghìn đồng) học phí, khoản thu dịch vụ thanh toán (thu) từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt	Tổng số tiền (nghìn đồng) hỗ trợ (nếu có) thanh toán (chỉ) cho người học từ 01/01/20 23 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt
								Mã vuông QR	Websi te	Mobil e Money và thẻ (POS)	Modul trên phần mềm quản lý					
40	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Phường Quảng Yên	520	0	520	230						14/KH-THCSTHĐ ngày 15/01/2023	468.506	0	10.500	0
41	Trường THCS Phong Cốc	Phường Phong Cốc	415	0	415	209						23/KH-THCSPC ngày 09/02/2023	654.650	0	9.000	0
42	Trường THCS Tiên An	Xã Tiên An	404	0	404	310						32/KH-THCSTA ngày 26/01/2023	321.055	0	40.380	0
43	Trường THCS Cộng Hoà	Phường Cộng Hoà	601	0	380	115						02/KH-THCSCH ngày 15/01/2023	26.775	0	9.750	0
44	Trường THCS Phong Hải	Phường Phong Hải	426	0	426	192						24/KH-THCSPH ngày 16/02/2023	387.130	0	16.500	0
45	Trường THCS Hà An	Phường Hà An	493	0	493	389						07a/KH-THCSHA ngày 09/02/2023	208.015	0	9.000	0
46	Trường THCS Nam Hoà	Phường Nam Hoà	311	0	311	120						14/KH ngày 15/01/2023	325.800	0	5.250	0

Stt	Tên cơ sở giáo dục (nhóm lớp, trường, trung tâm - bao gồm cả công lập, tư thực)	Địa chỉ (xã, phường, thị trấn)	Số người học (trẻ em, học sinh, học viên)	Số người học có tài khoản thanh toán cá nhân	Số người học/c ha mẹ người được hướn g dẫn thanh toán không dùng tiền mặt	Số người học có cha/m ẹ có điện thoại thông minh	Tên các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (ngân hàng, tổ chức tín dụng, trung gian thanh toán)	Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt của cơ sở giáo dục (Đánh dấu X vào phương thức được cơ sở giáo dục chấp nhận)				Số, ngày tháng Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt năm 2023 của cơ sở giáo dục	Tổng số tiền (nghìn đồng) học phí, khoản thu dịch vụ thanh toán (thu) từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt	Tổng số tiền (nghìn đồng) hỗ trợ (nếu có) thanh toán (chi) cho người học từ 01/01/20 23 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt
								Mã vuông QR	Websi te	Mobil e Money và thẻ (POS)	Modul trên phần mềm quản lý					
47	Trường THCS Lê Quý Đôn	Phường Yên Giang	682	0	682	389						14/KH ngày 15/01/2023	700.469	0	1.500	0
48	Trường THCS Hiệp Hoà	Xã Hiệp Hoà	660	0	660	186						15/KH-THCS ngày 14/01/2023	450.120	0	32.210	0
49	Trường THCS Sông Khoai	Xã Sông Khoai	418	0	418	90						26a/KHTHCSS K ngày 18/01/2023	256.588	0	5.500	0
50	Trường THCS Minh Thành	Phường Minh Thành	779	0	779	654						18/KH- THCSMT ngày 22/01/2023	525.950	0	14.250	0
51	Trường THCS Liên Hoà	Xã Liên Hoà	482	0	482	295						16/KH-TrTHCS ngày 10/02/2023	275.500	0	14.895	0
52	Trường THCS Liên Vị	Xã Liên Vị	625	0	320	260						25/KH-THCSLV ngày 23/01/2023	336.500	0	21.000	0
53	Trường THCS Tân An	Phường Tân An	307	0	307	236						12/KH-THCSTA ngày 09/02/2023	203.835	0	10.500	0

Stt	Tên cơ sở giáo dục (nhóm lớp, trường, trung tâm - bao gồm cả công lập, tư thục)	Địa chỉ (xã, phường, thị trấn)	Số người học (trẻ em, học sinh, học viên)	Số người học có tài khoản thanh toán cá nhân	Số người học/c ha mẹ người được hướn g dẫn thanh toán không dùng tiền mặt	Số người học có cha/m ẹ có điện thoại thông minh	Tên các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (ngân hàng, tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng, trung gian thanh toán)	Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt của cơ sở giáo dục (Đánh dấu X vào phương thức được cơ sở giáo dục chấp nhận)				Số, ngày tháng Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt năm 2023 của cơ sở giáo dục	Tổng số tiền (nghìn đồng) học phí, khoản thu dịch vụ thanh toán (thu) từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt	Tổng số tiền (nghìn đồng) hỗ trợ (nếu có) thanh toán (chỉ) cho người học từ 01/01/20 23 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt
								Mã vuông QR	Websi te	Mobil e Money và thẻ (POS)	Modul trên phần mềm quản lý					
54	Trường THCS Yên Hải	Phường Yên Hải	360	0	360	337						22/KH- THCSYH ngày 26/01/2023	274.947	0	11.250	0
55	Trường TH&THCS Tiên Phong	Xã Tiên Phong	325	0	325	255						16/KH- TH&THCSTP ngày 02/02/2023	92.502	0	11.250	0
56	Trường TH&THCS Cẩm La	Xã Cẩm La	694	0	694	380						07/KH- TH&THCSCL ngày 30/01/2023	318.070	0	19.460	0
57	Trường TH&THCS Sông Khoai	Xã Sông Khoai	542	0	542	374						16/KH- TH&THCSSK ngày 16/01/2023	378.080	0	20.650	0
58	Trường TH&THCS Hoàng Tân	Xã Hoàng Tân	504	0	504	350						38/KH- TH&THCSHT ngày 20/02/2023	304.125	0	13.000	0